

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 927 /BNV-CTTN&BDG
V/v tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức,
viên chức, người lao động

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 năm 2022 và Luật số 97/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; nhằm giúp các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như sau:

I. Về việc tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 51, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Tổ chức hội nghị

- Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì;
- Hội nghị được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm công tác của cơ quan, đơn vị nhưng không chậm hơn 03 tháng của năm công tác tiếp theo do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định;
- Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tổ chức bất thường khi có đề xuất của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị cùng đề nghị.

2. Thành phần dự hội nghị

- Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ít hơn 100 người, thì tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm đ dưới đây;
- Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ 100 người trở lên hoặc có ít hơn 100 người nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể

cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc đại biểu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị;

c) Hội nghị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất là hai phần ba tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được thông qua khi có trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội;

d) Đối với các cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc, khi tổ chức hội nghị có thể mời người đứng đầu nếu thấy cần thiết;

đ) Cơ quan, đơn vị có từ 07 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trở xuống có thể tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nếu thấy cần thiết.

3. Nội dung hội nghị

a) Kiểm điểm việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

b) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị;

c) Đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác hằng năm;

d) Tổng kết phong trào thi đua, xét khen thưởng và bàn, thống nhất nội dung thi đua năm tiếp theo; thống nhất nội dung giao ước thi đua;

đ) Thảo luận và quyết định các nội dung quy định tại Điều 49 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể: (1) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; (2) Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; (3) Nội dung nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. (4) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan, đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

e) Thực hiện các nội dung về công khai thông tin; lấy ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về những nội dung quy định tại Điều 53 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể: (1) Giải pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; (2) Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; (3) Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị; (4) Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị; (5) Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu Nhân dân; (6) Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; (7) Thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; (8) Dự thảo

quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị; (9) Dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có); (10) Các dự thảo nội quy, quy chế khác của cơ quan, đơn vị; (11) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.

g) Thực hiện các công việc khác theo quyết định của hội nghị.

4. Trình tự tổ chức hội nghị

a) Ban tổ chức hội nghị (đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ) giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký hội nghị và chương trình hội nghị.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình bày báo cáo về các nội dung quy định tại điểm a và điểm c mục 1.3 nêu trên;

c) Đại diện đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ báo cáo về các nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; kết quả giám sát, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham dự hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị (nếu có);

e) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiếp thu, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, các biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tiếp theo của cơ quan, đơn vị;

g) Đại diện Ban Thanh tra nhân dân trình bày báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm và chương trình công tác năm tiếp theo;

h) Hội nghị quyết định các nội dung thảo luận tại điểm đ mục 1.3 nêu trên;

i) Tổ chức khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác; phát động phong trào thi đua;

k) Thông qua nghị quyết hội nghị.

II. Về Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62 và Điều 63 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Bầu Ban Thanh tra nhân dân

a) Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Thanh tra nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 60 và khoản 2 Điều 77 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ theo nhiệm vụ được phân công tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị danh sách dự kiến nhân sự bầu Ban Thanh tra nhân dân.

b) Số lượng, cơ cấu thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và căn cứ vào số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị dự kiến số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân để trình tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quyết định, gồm từ 03 đến 09 thành viên.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù hoặc hoạt động phân tán thì hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có thể quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhiều hơn để bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có từ 07 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trở xuống hoặc trong các trường hợp đặc thù thì không tổ chức Ban Thanh tra nhân dân.

c) Bầu, công nhận thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị được bầu tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Khi bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải đảm bảo có ít nhất là hai phần ba tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập tham dự.

Chủ trì Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lấy ý kiến hội nghị và biểu quyết số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân; mời đại diện Lãnh đạo đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ giới thiệu danh sách dự kiến nhân sự bầu Ban Thanh tra nhân dân; mời đại biểu dự Hội nghị ứng cử, đề cử; chốt và thông qua danh sách bầu cử. Danh sách đề cử nhân sự bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân bầu tròn hoặc có số dư tối đa 20% so với số thành viên được bầu. Việc bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết do hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quyết định. Danh sách trúng cử Ban Thanh tra nhân dân được thông qua tại Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân, đơn vị thực hiện chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ báo cáo người đứng đầu công nhận kết quả bầu Ban Thanh tra nhân dân.

2. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân là người đang công tác trong cơ quan, đơn vị, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cơ quan, đơn vị, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân; không đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của cơ quan, đơn vị.

Ban Thanh tra nhân dân gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân

dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

3. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân

Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân là 02 năm. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên hoặc thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tin nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ, thì hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quyết định cho thôi làm nhiệm vụ và bầu người khác thay thế.

4. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Căn cứ vào Nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình công tác theo từng quý, 06 tháng, hằng năm và tổ chức thực hiện.

Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- Trách nhiệm trong việc đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 63 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

III. Về thời gian tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Thời gian tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị thực hiện theo điểm khoản 1, Điều 51, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Khuyến khích các cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị (định kỳ) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sớm, kịp thời triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo; có thể lồng ghép, kết hợp với hội nghị tổng kết năm nhưng phải đảm bảo đầy đủ nội dung của hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

Bộ Nội vụ gửi các cơ quan Trung ương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà;
- Lưu: VT, CTTN&BDG.

KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà